TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 48, 22 - 26/11/2021

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Một tuần nhìn lại:

"Ẩn số Omicron"

Thị trường chứng khoán toàn cầu có sự điều chỉnh mạnh mẽ do biến thể coronavirus mới. S&P 500 đóng cửa tuần giảm -2,0% và STOXX Europe 600 giảm 4,5%. Thị trường chứng khoán Nhật Bản bắt đầu tuần giao dịch ngắn theo cách thận trọng, khi những lo ngại về coronavirus gia tăng ở châu Âu, cũng như các trường hợp gia tăng ở Mỹ, chỉ số Nikkei 225 giảm 3,3%. Thị trường Trung Quốc suy yếu, với chỉ số Shanghai Composite kết thúc đi ngang trong bối cảnh căng thẳng Mỹ-Trung và áp lực kinh tế gia tăng làm tăng kỳ vọng về các biện pháp hỗ trợ của chính phủ.

Thị trường chứng khoán Việt Nam quay trở lại đà tăng trong tuần thứ 48. Mặc dù sự suy yếu của nhóm Mid Cap và Small Cap đã tác động nhẹ đến VN Index trong phiên đầu tuần , nhưng sự bừng tỉnh của nhóm cổ phiếu ngân hàng sau đó đã kích hoạt sự hồi sinh mạnh mẽ của chỉ số. Tất nhiên, VN Index liên tục đạt mức cao mới trong những ngày sau đó. Đỉnh mới đây của chỉ số là ở mức 1.511 được thiết lập vào ngày thứ Sáu. Tuy nhiên, chỉ số này nhanh chóng chuyển sang sắc đỏ khi đối mặt trước áp lực chốt lời mạnh. Kết thúc tuần, VN Index ghi thêm 40,68 điểm (+ 2,8%) và đóng cửa ở mức 1.493,03. Cùng lúc, chỉ số HNX Index và UPCOM vẫn duy trì được sắc xanh nhưng với tốc độ chậm hơn ở mức 1,0% cho cả hai.

Về góc độ kỹ thuật, VN Index đã chạm ngưỡng kháng cự 1.500 (Fibonacci 61,8%) nhưng không thể tăng thêm. Chỉ báo RSI cho thấy sự đảo chiều sau khi kiểm tra vùng mua quá mua. Tuy nhiên, đường MACD đang cắt lên trên đường tín hiệu cho thấy xu hướng tiếp tục tăng của chỉ số. Trong trường hợp xấu, VN Index có thể kiểm định lại ngưỡng hỗ trợ gần nhất tại đường middle của Bollinger Bands. Ngay lúc này, Omicron, biến thể mới xuất hiện đã khiến các tài sản rủi ro toàn cầu chao đảo vào thứ Sáu do khả năng làm giảm hiệu quả của vắc-xin. Thị trường chứng khoán Việt Nam có thể sẽ có nhiều biến động trong tuần tới do tác động trên. Tuy nhiên, cuộc tìm kiếm của chúng tôi phát hiện ra rằng mẫu nghiên cứu của các nhà khoa học Nam Phi quá nhỏ (100 bệnh nhân), dẫn đến sai số có thể xảy ra là rất lớn. Vì vậy, còn quá sớm để đưa ra kết luận.

Dữ liệu thị trường tuần		%thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1T	1Thg	3Tng	TĐN	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (tỷ $)
VN-Index	1,493	2.8	7.8	14.0	14.1		17.8	2.8	256
Upcom Index	114	1.0	13.3	24.9	37.9		53.6	3.8	64
HNX Index	459	1.0	15.9	36.5	52.1		27.6	2.8	21
VN30 Index	1,567	4.4	6.1	9.7	8.5		15.1	3.0	179
S&P 500 Index	4,605	-2.0	0.8	2.4	10.0		25.3	4.7	41,513
STOXX Europe 600 Index	464	-4.5	-1.7	-1.7	4.2		19.8	2.1	15,179
Hang Seng	24,081	-3.9	-7.9	-6.3	-16.7		9.6	1.0	3,020
Nikkei 225	28,752	-3.3	0.5	3.7	0.7		16.4	1.9	4,146
SHCOMP Index	3,564	0.1	-1.3	0.7	-0.5		15.2	1.6	7,294
STI Index	3,166	-2.0	-1.1	1.9	0.6		20.7	1.1	378
KOSPI Index	2,936	-1.2	-2.8	-6.7	-7.4		13.7	1.1	1,750

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Source: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

Thanh khoản thị trường tiếp tục tăng cao để hỗ trợ chỉ số liên tục lập đỉnh. Giá trị khớp lệnh bình quân mỗi phiên trên HSX tuần qua đạt 32,777 tỷ đồng, tăng 4% so với tuần trước.

Xét theo giá trị vốn hóa, dòng tiền chảy ra khỏi nhóm cổ phiếu Mid Cap và Small Cap khiến vốn hóa các nhóm này giảm lần lượt -0,8% và -2,7%. Ngược lại, các cổ phiếu Large Cap có một tuần giao dịch tuyệt vời với vốn hóa thị trường tăng + 3,4%, thanh khoản tăng 14,7% và tỉ trọng trong thanh khoản tăng thêm 6,5%.

Xét theo từng nhóm ngành, nhóm cổ phiếu ngân hàng có những bước chuyển mình ngoạn mục và là động lực chính nâng chỉ số đi lên. Mặc dù chững lại trong hai phiên gần đây nhưng nhóm này vẫn có mức sinh lợi tốt nhất là 6,8%, tỉ trọng thanh khoản của nhóm này chiếm thêm 10,6%. Theo sau là nhóm dịch vụ tài chính với cổ phiếu chứng khoán có tuần tăng thứ 5 tăng điểm liên tục liên tục. Trong khi giá dầu thế giới giảm khiến nhóm cổ phiếu dầu khí kém đi, vốn hóa thị trường của cả nhóm giảm -4,8%.

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	% thay đổi GTGD						%tỉ trọng GTGD		Định giá		
	1T	1Thg	TĐN	1T	1Thg	TĐN	HT	TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa tỷ đồng)
Large Cap	3.4	7.3	35.0	14.7	19.7	47.3	69.5	6.5	23.4	3.2	5,075,866
Mid Cap	-0.8	9.2	47.7	-13.5	-3.5	30.4	27.7	-5.6	22.3	1.9	656,841
Small Cap	-2.7	7.7	45.6	-22.0	-6.9	22.9	2.9	-1.0	28.4	1.2	73,843

Theo ngành

Tên ngành	% thay đổi GTGD						%tỉ trọng GTGD				
	1T	1Thg	TĐN	1T	1Thg	TĐN	HT	TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa tỷ đồng)
Ngân hàng	6.8	13.0	37.3	88.4	67.8	97.6	23.7	10.6	17.4	2.8	1,830,120
Tài chính	2.7	10.4	42.9	0.4	7.5	40.7	33.8	-1.2	27.9	3.2	1,640,809
Dược và Y tế	1.9	5.9	15.9	28.2	49.7	84.5	0.9	0.2	20.8	2.6	44,262
Công nghệ Thông tin	1.6	2.1	97.4	3.9	6.2	28.0	1.1	0.0	27.3	3.9	108,477
Hàng Tiêu dùng	1.6	7.0	10.3	-4.6	6.0	42.5	9.8	-0.9	25.3	3.4	695,506
Dịch vụ Tiêu dùng	1.0	3.1	44.4	-11.3	4.3	22.5	2.7	-0.5	n.a	5.1	268,710
Nguyên vật liệu	0.9	-6.6	59.6	-23.9	-19.2	-3.5	12.8	-4.7	19.9	2.9	545,091
Tiện ích Cộng đồng	-2.8	-6.0	16.3	-24.8	-13.6	8.0	1.9	-0.7	20.0	2.5	294,804
Công nghiệp	-3.0	13.4	50.1	-14.6	4.5	44.0	11.9	-2.6	21.2	1.9	295,799
Dầu khí	-4.8	2.6	13.5	-15.4	0.0	38.8	1.4	-0.3	84.2	3.5	83,245

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-HT: Hiện tại
-TĐ: Thay đổi

WEEKLY SNAPSHOT
Sự dịch chuyển của dòng vốn

Về sự dịch chuyển của dòng vốn ở thị trường châu Á, Hàn Quốc tiếp tục ghi nhận dòng vốn ròng đạt hơn 1 tỷ USD. Ngược lại, dòng vốn tại Ấn Độ, Nhật Bản, Đài Bắc lại chuyển hướng rút ra với lần lượt 2 tỷ USD, 413 triệu USD và 1,9 tỷ USD. Tương tự, dòng vốn vẫn chạy ra khỏi Việt Nam với con số lên đến 141 triệu USD trong tuần trước.

Thông qua kênh ETF tổng vốn đổ vào thị trường tiếp tục duy trì ở mức âm, -17,55 triệu USD. Trong đó, hoạt động rút ròng của các EFT nước ngoài bao gồm Fubon (-3,78 triệu USD) và Xtrackers FTSE (-1,43 triệu USD), Kim ETF (-9,88 triệu USD) – là nhân tố chính. Các quỹ ETF trong nước hoạt động trái chiều, cả hai quỹ của SSI bao gồm FIN LEAD và VN30 phân phối 3,42 triệu USD vào thị trường, trong khi DCVFM VN30 và MAFN VN30 ETF rút lần lượt -5,65 triệu USD và -0,24 triệu USD.

Tên ETF	Tài sản (Triệu $)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1T	1Thg	3Thg	TĐN
Tổng các quỹ ETF	**3,550**	**-17.55**	**-20.37**	**-56.3**	**90.5**
Nước ngoài	**2,228**	**-15.09**	**-31.71**	**-108.1**	**102.9**
VanEck Vectors Vietnam ETF	586	0.00	0.00	1.0	38.6
Fubon FTSE Vietnam ETF	484	-3.78	-19.94	-45.3	210.8
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	518	0.00	3.60	10.4	7.3
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	403	-1.43	-7.92	-68.6	-78.4
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	172	-9.88	-9.88	-9.9	-88.9
Premia MSCI Vietnam ETF	33	0.00	2.43	2.9	1.9
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	17	0.00	0.00	0.0	-1.1
Asian Growth CUBS ETF	14	0.00	0.00	1.4	12.7
Trong nước	**1,322**	**-2.47**	**11.35**	**51.9**	**-12.5**
DCVFMVN Diamond ETF	622	0.00	0.00	0.0	-39.2
DCVFMVN30 ETF Fund	498	-5.65	5.25	30.2	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	151	3.34	10.16	19.7	0.0
MAFN VN30 ETF	27	-0.24	-3.73	2.0	19.9
SSIAM VNX50 ETF	14	0.00	0.00	0.0	0.0
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	5	0.08	-0.33	-0.01	6.8

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc	n.a	10,946	-34,044	30,656
Ấn độ	-2,015	923	-1,349	7,181
Indonesia	23	-64	862	2,738
Nhật Bản	-413	2,331	16,448	44,708
Maylaysia	-29	90	467	-448
Philippines	-15	-8	0	-1,742
Hàn Quốc	1,032	2,992	-236	-25,699
Sri Lanka	-8	-18	-25	-252
Đài Loan	-1,918	1,033	-1,256	-17,937
Thái Lan	-91	-92	382	-2,095
Việt Nam	-141	-358	-610	-2,556

Chú thích:
-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

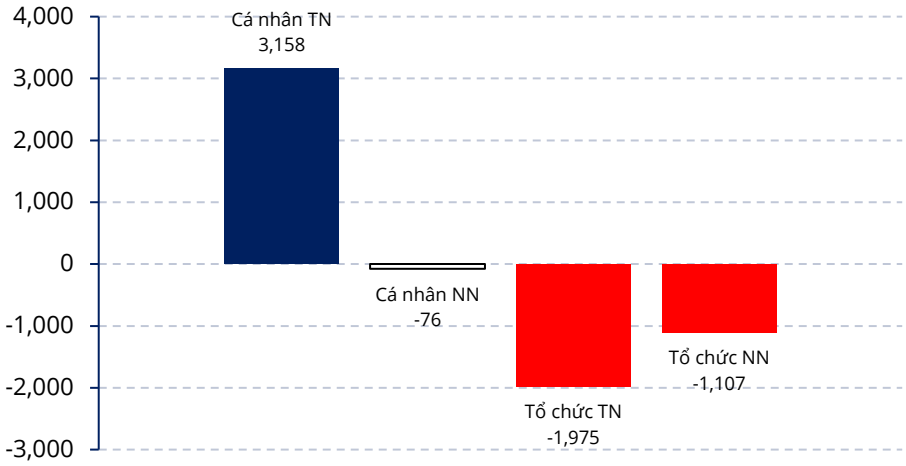
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

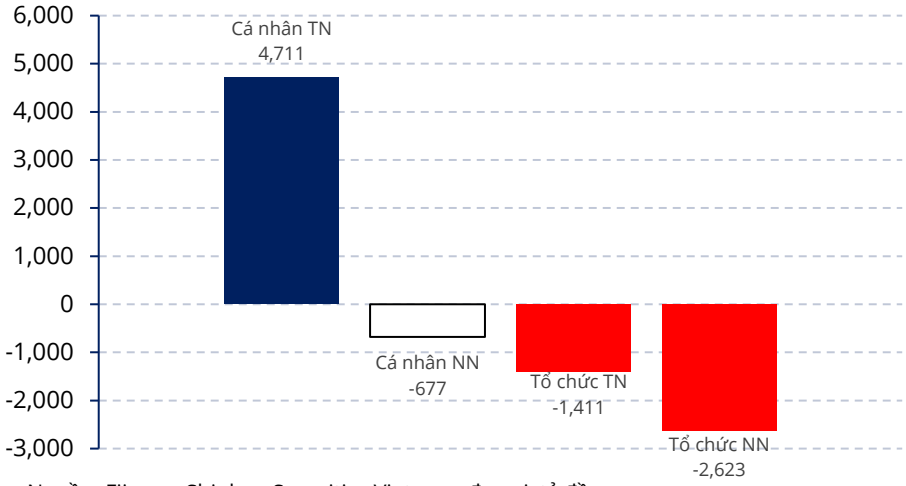
Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Hoạt động giao dịch giữa các nhà đầu tư tuần qua không có nhiều thay đổi. Nhà đầu tư cá nhân tăng quy mô mua ròng lên 4,711 tỷ đồng. Ngược lại, nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng với giá trị giao dịch ròng lần lượt là -1,411 tỷ đồng và -3,300 tỷ đồng.

Tuần trước đó



Tuần vừa qua



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam, đơn vị :tỷ đồng

Chú thích:
-TN: trong nước
-NN: nước ngoài

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	NAV	Xây dựng và Vật liệu	16.55 - 38.80	24.8	-26.99%
2	SMA	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.33 - 14.70	10.8	-19.40%
3	EVG	Xây dựng và Vật liệu	5.23 - 20.10	17.0	-15.42%
4	YBM	Tài nguyên Cơ bản	4.70 - 12.05	9.7	-14.74%
5	VRC	Bất động sản	6.35 - 23.90	18.0	-14.29%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
39.49%	29.9	7.35 - 29.85	Xây dựng và Vật liệu	PTC
37.69%	13.7	2.85 - 13.70	Tài nguyên Cơ bản	TNI
30.98%	24.1	1.98 - 24.10	Y tế	SJF
30.73%	24.3	5.15 - 24.25	Thực phẩm và đồ uống	IDI
30.98%	24.1	1.98 - 24.10	Thực phẩm và đồ uống	CMX

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	SDU	Xây dựng và Vật liệu	6.70 - 14.00	10.7	-23.02%
2	V12	Xây dựng và Vật liệu	9.00 - 24.90	15.1	-22.56%
3	SD6	Xây dựng và Vật liệu	2.50 - 11.80	8.8	-22.12%
4	SMT	Công nghệ Thông tin	7.00 - 47.00	17.2	-18.48%
5	API	Bất động sản	8.80 - 109.00	80.0	-18.37%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
45.00%	20.3	8.50 - 21.00	Y tế	LDP
34.92%	42.5	7.10 - 42.50	Bất động sản	CEO
31.12%	25.7	2.50 - 25.70	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	CMS
25.00%	14.0	10.30 - 14.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	BXH
18.52%	9.6	3.90 - 9.60	Xây dựng và Vật liệu	TXM

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	SD3	Xây dựng và Vật liệu	2.80 - 14.30	9.8	-31.47%
2	PMT	Công nghệ Thông tin	3.90 - 13.10	9.2	-29.77%
3	VFC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10.60 - 28.00	19.6	-28.73%
4	TVA	Xây dựng và Vật liệu	9.50 - 19.90	13.0	-25.71%
5	DX2	Xây dựng và Vật liệu	5.90 - 9.30	6.7	-25.56%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
100.00%	61.4	16.20 - 61.40	Hàng cá nhân & Gia dụng	TAG
97.89%	18.8	4.00 - 18.80	Xây dựng và Vật liệu	LG9
93.04%	111.0	5.50 - 111.00	Xây dựng và Vật liệu	LIC
74.90%	85.0	23.80 - 90.70	Bất động sản	HIZ
65.61%	31.3	4.20 - 31.30	Bất động sản	VHD

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến

	Tickers	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu đ)	%1 Tuần	HT	Biến động 52 tuần	%1 Tuần
1	CVT	CMC JSC	Xây dựng và Vật liệu	2,647	1,230.1	47.0	36.20 - 58.90	21.9
2	TPB	Ngân hàng Tiên Phong	Ngân hàng	248,288	151.6	47.5	20.22 - 49.85	9.2
3	SAB	SABECO	Thực phẩm và đồ uống	15,198	129.5	160.2	139.80 - 211.00	-4.1
4	TDP	Công ty Thuận Đức	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	639	126.7	27.6	21.07 - 35.71	3.4
5	TAC	Dầu Tường An	Thực phẩm và đồ uống	2,875	109.9	76.6	39.20 - 80.10	5.7
6	RAL	Bóng đèn & Phích Rạng Đông	Hàng cá nhân & Gia dụng	2,011	107.8	186.0	125.50 - 250.00	-0.1
7	LGC	Đầu tư Cầu đường CII	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	31	106.7	49.5	46.60 - 89.80	-6.7
8	ASG	Tập đoàn ASG	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1,416	106.1	30.3	27.50 - 35.25	-1.3
9	SVC	SAVICO	Ô tô và phụ tùng	382	101.1	92.9	63.50 - 114.40	-0.1
10	VPB	VPBank	Ngân hàng	915,874	91.3	39.2	14.64 - 40.72	8.3

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Bảng trên liệt kê ra top 10 cổ phiếu trong rổ chỉ số VN Index có vốn hóa trên 1,000 tỷ đồng và giá trị giao dịch bình quân hằng ngày trong tuần qua so với tuần trước đó la cao nhất.

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dollar index	96.03	0.51	2.22	3.19	6.78	
VND/USD	22,678	0.12	-0.35	-0.46	-1.82	
KRW/USD	1,193.30	0.67	2.22	1.95	9.84	
JPY/USD	113.40	-0.52	-0.67	3.01	9.83	
EUR/USD	0.88	-0.27	2.52	3.89	7.99	
SGD/USD	1.37	0.78	1.79	1.34	3.77	
CNY/USD	6.39	0.10	0.16	-1.37	-2.05	

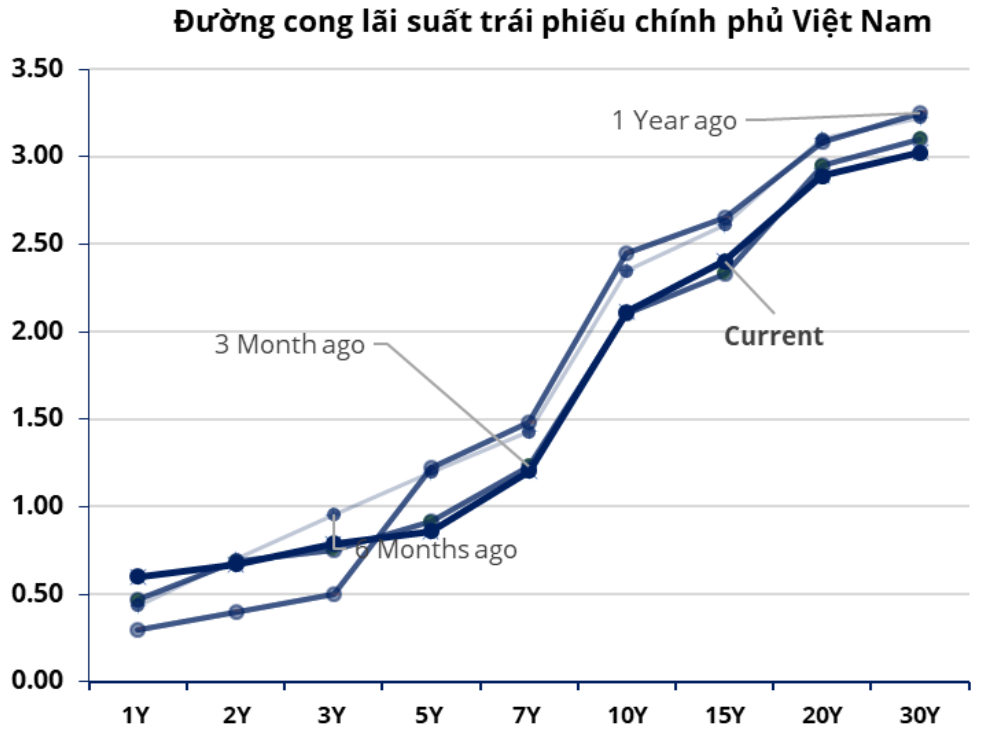
Hàng hóa

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dầu thô	68.75	-12.99	-18.78	1.97	41.69	
Xăng	204.76	-10.75	-18.64	-9.21	45.38	
Gas	5.18	5.67	-11.93	23.80	104.02	
Than	158.00	3.61	-30.09	-7.47	96.27	
Vàng	1,797.02	-2.64	0.23	0.26	-5.34	
Bạc	23.18	-5.85	-4.06	-1.64	-12.21	
Platinum	962.58	-6.92	-6.64	-1.93	-10.22	
Quặng sắt	94.33	1.69	-23.00	-41.07	-39.47	
Thép cán	4,780.00	2.55	-14.76	-16.11	4.48	
Lúa mì	820.00	0.00	9.01	13.06	28.02	
Ngô	569.75	-0.57	4.83	3.08	17.72	
Gỗ	774.90	2.36	19.51	56.51	-11.25	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-XH; Xu hướng
-Thay đổi(BPS): số điểm cơ bản thay đổi sau 1 tuần

Dữ liệu về lãi suất



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	0.60	0.67	0.79	0.86	1.21	2.11	2.40	2.89	3.03
Thay đổi (BPS)	0.00	0.00	1.30	3.90	3.10	2.00	4.10	0.00	0.50

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải c hịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã đư ợc hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính nà y có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi t rường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán S hinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua h oặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứ ng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể đ ược sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.